

Số: /TTr-STC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định
Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn
đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý
của Ủy ban nhân dân Thành phố**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Sở Tài chính kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Quyết định quy định Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025, quy định khoản 18 Điều 17 như sau:

“Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

...

18. Ban hành quyết định, chỉ thị và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.”

1.2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025), quy định như sau:

- Tại khoản 1 Điều 3: “1. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong phạm vi cả nước hoặc trong đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định tại Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.”.

- Tại điểm b khoản 3 Điều 21:

“3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Biện pháp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

1.3 Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tại khoản 2 Điều 13, Bộ Trưởng Bộ Tài chính đã phân cấp như sau: “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thì đề nghị lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.”.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính, tài sản cố định vô hình được phân thành 06 nhóm gồm: quyền sử dụng đất; quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng; phần mềm ứng dụng; thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên cơ sở quy định nêu trên, trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành các quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của địa phương, cụ thể:

- Quyết định số 124/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2.2 Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 141/2025/TT-BTC có hiệu lực thi hành và thay thế Thông tư số 23/2023/TT-BTC; theo đó, tài sản cố định vô hình được phân loại lại chỉ còn 03 nhóm gồm: quyền sử dụng đất, sản phẩm phần mềm và tài sản cố định vô hình khác. Việc thay đổi hệ thống phân loại tài sản cố định vô hình dẫn đến nhiều nội dung tại các quyết định đã được các địa phương ban hành trước đây không còn phù hợp với quy định hiện hành.

Mặt khác, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, Thành phố Hồ Chí Minh mới hình thành trên cơ sở hợp nhất 03 địa phương; hiện tồn tại đồng thời nhiều quy định khác nhau về danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình. Việc ban hành Quyết định thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn Thành phố là cần thiết nhằm bảo đảm tính đồng bộ trong quản lý tài sản công và hạch toán kế toán.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Quyết định

- Hoàn thiện thể chế, chính sách trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Cụ thể hóa hướng dẫn của Bộ Tài chính về Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả việc quản lý, sử dụng tài sản cố định vô hình.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

- Quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công; nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ đề ra.

- Kế thừa các quy định hiện hành và điều chỉnh, sửa đổi để phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Về việc xác định thẩm quyền và hình thức ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản

cố định vô hình

1.1 Ngày 12 tháng 5 năm 2026, Sở Tài chính có Công văn số 12030/STC-QLCS đề nghị Sở Tư pháp có ý kiến về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố theo khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC có phù hợp với khoản 3 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hay không?

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, Sở Tư pháp có Công văn số 5868/STP-VB có ý kiến như sau:

“Việc xác định hình thức văn bản phụ thuộc vào nội dung được quy định trong văn bản đó và do cơ quan chủ trì soạn thảo xác định; nếu như Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ quy định về danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý theo Mẫu số 01 Phụ lục II theo thẩm quyền được giao tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC, không chứa quy tắc xử sự chung thì có thể ban hành dưới hình thức Quyết định hành chính.

Trường hợp, Sở Tài chính xác định vẫn còn khó khăn, vướng mắc trong việc tham mưu, ban hành danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, căn cứ khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC “Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thì đề nghị lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan”, đề nghị Sở Tài chính xem xét việc xin ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành trước khi thực hiện.”.

1.2 Liên quan đến thẩm quyền, hình thức ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, Sở Tài chính đã rà soát, trao đổi và nhận được thông tin về ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp phúc đáp Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể:

- Ý kiến của Bộ Tư pháp (Công văn số 2638/BTP-CTXDVBQPPL ngày 22 tháng 4 năm 2026):

Khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong phạm vi cả nước hoặc trong đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định tại Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện”.

Điểm b khoản 3 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Biện pháp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC quy định: “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương”.

Do đó, đề nghị Quý cơ quan căn cứ nội dung cụ thể của dự thảo Quyết định để xác định văn bản có chứa quy phạm pháp luật theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hay không qua đó xác định hình thức văn bản cho phù hợp.

- Ý kiến của Bộ Tài chính (Công văn số 4588/BTC-QLCS ngày 04 tháng 5 năm 2026):

Đối với tài sản cố định vô hình: Đề phù hợp với tình hình, điều kiện sử dụng tài sản thực tế tại địa phương, tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã phân cấp thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của địa phương; không quy định cụ thể hình thức văn bản.

Liên quan đến hình thức ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2638/BTP-CTXDVBQPPL ngày 22 tháng 4 năm 2026 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

1.3 Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của địa phương; theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được xác định là chủ thể có thẩm quyền ban hành quy định này theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nội dung dự thảo Quyết định xác định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình là căn cứ bắt buộc áp dụng thống nhất đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố khi thực hiện quản lý, hạch toán kế toán và tính hao mòn tài sản cố định vô hình; các chủ thể không được tự xác định khác với quy định tại Quyết định. Do đó nội dung này đặt ra quy tắc áp dụng chung, có hiệu lực bắt buộc chung và được áp dụng nhiều lần.

Căn cứ các nội dung nêu trên, Sở Tài chính nhận thấy nội dung dự thảo Quyết định có tính quy phạm pháp luật và thuộc trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

2. Về quá trình xây dựng dự thảo Quyết định

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 141/2025/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, Bộ Tài chính có Công văn số 257/BTC-QLCS đề nghị Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quan tâm chỉ đạo triển khai đầy đủ các nhiệm vụ, trách nhiệm được giao theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 3671/UBND-KT phân công, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan xây dựng Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Thực hiện theo sự phân công, giao nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố và có Công văn số/STC-QLCS ngày tháng năm 2026 đề nghị: (1) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đăng tải hồ sơ dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố để lấy ý kiến của các đối tượng tác động trong thời hạn ít nhất 10 ngày theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; các sở, ban, ngành Thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân các xã/phường/đặc khu; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tham gia có ý kiến góp hồ sơ dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Ý kiến góp ý gửi về Sở Tài chính trước ngày tháng năm 2026 để tổng hợp; Sau thời gian này, trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp không có ý kiến gửi về Sở Tài chính, xem như thống nhất đối với nội dung hồ sơ dự thảo.

Bên cạnh đó, Sở Tài chính thực hiện truyền thông liên quan đến chính sách ban hành Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bằng hình thức đăng tải hồ sơ dự thảo lên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính (đảm bảo đầy đủ các nội dung cần truyền thông theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP).

Sau thời gian lấy ý kiến góp ý theo quy định, trên cổng thông tin điện tử của Thành phố và Sở Tài chính ghi nhận ý kiến góp ý. Đối với các sở, ban ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã/phường/đặc khu, Sở Tài chính nhận

được ý kiến của các đơn vị; theo đó, công tác lấy ý kiến góp ý có kết quả như sau:

- Thống nhất: ý kiến.
- Không thống nhất: ý kiến.
- Ý kiến khác: ý kiến.

Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp (đính kèm Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý) và thực hiện đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính theo quy định.

Ngày tháng năm 2026, Sở Tài chính có Công văn số/STC-QLCS đề nghị Sở Tư pháp thẩm định và ngày tháng năm 2026, Sở Tư pháp có Báo cáo số/BC-STP thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Căn cứ báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh các dự thảo và báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Quyết định quy định Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Sở Tài chính căn cứ quy định tại Điều 1 (*Phạm vi điều chỉnh*), Điều 2 (*Đối tượng áp dụng*), khoản 2 Điều 3 (*Tiêu chuẩn tài sản cố định*), Điều 11 (*Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao*) để xác định Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng tại dự thảo Quyết định như sau:

1.1 Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Tài sản cố định vô hình hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đều phải tính hao mòn, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 11 và các trường hợp không thỏa mãn tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 141/2025/TT-BTC.

- Các nội dung khác về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC.

1.2 Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Bố cục của dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định được chia thành 05 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định vô hình

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

3. Nội dung cơ bản

3.1 Căn cứ xây dựng Danh mục

Danh mục tài sản cố định vô hình tại dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 141/2025/TT-BTC; theo đó tài sản cố định vô hình gồm: quyền sử dụng đất, sản phẩm phần mềm và tài sản cố định vô hình khác.

Đối với sản phẩm phần mềm, việc xác định danh mục được tham chiếu Danh mục sản phẩm phần mềm quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông để bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất và thuận lợi trong quá trình áp dụng.

3.2 Cơ sở xây dựng thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ tính hao mòn

a) Quyền sử dụng đất

Theo điểm a khoản 3 Điều 11 Thông tư số 141/2025/TT-BTC, quyền sử dụng đất không thực hiện tính hao mòn. Do đó, dự thảo Quyết định không quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với loại tài sản này.

b) Sản phẩm phần mềm

Sản phẩm phần mềm là loại tài sản có tốc độ thay đổi công nghệ nhanh, chịu tác động trực tiếp của sự phát triển về hệ điều hành, nền tảng kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn thông tin, an ninh mạng và yêu cầu nâng cấp công nghệ. Thời gian sử dụng để tính hao mòn là 05 năm được xác định trên cơ sở tham khảo thời gian sử dụng thực tế đối với các phần mềm đang quản lý tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố và phù hợp với chu kỳ nâng cấp, thay thế công nghệ thông tin hiện nay.

Bên cạnh đó, thời gian sử dụng để tính hao mòn là 05 năm, tương ứng tỷ lệ hao mòn 20%/năm đối với sản phẩm phần mềm cũng kế thừa các quy định đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm tính ổn định, liên tục trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên cơ sở đó, dự thảo Quyết định quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn đối với sản phẩm phần mềm là 05 năm, tương ứng tỷ lệ hao mòn 20%/năm, bảo đảm phù hợp với thực tiễn quản lý, sử dụng tài sản và yêu cầu đổi mới công nghệ trong giai đoạn hiện nay.

c) Tài sản cố định vô hình khác

Đối với nhóm tài sản cố định vô hình khác, hiện nay chưa có cơ sở thực tiễn để phân định theo từng loại tài sản cụ thể và xác định thời gian sử dụng phù hợp đối với từng loại tài sản. Do đó, để bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý, theo dõi, hạch toán kế toán và thống nhất trong quản lý tài sản công, dự thảo Quyết định tạm thời áp dụng cùng mức thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn với nhóm sản phẩm phần mềm.

Bên cạnh đó, việc quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn là 05 năm, tương ứng tỷ lệ hao mòn 20%/năm đối với nhóm tài sản cố định vô hình khác cũng kế thừa các quy định đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm tính ổn định, liên tục trong quản lý tài sản công và thuận lợi cho việc thống nhất áp dụng trên phạm vi toàn Thành phố.

Trên cơ sở đó, dự thảo Quyết định quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn đối với tài sản cố định vô hình khác là 05 năm, tương ứng tỷ lệ hao mòn 20%/năm.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (nếu có)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QU/A BAN HÀNH

Việc ban hành Quyết định không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, không làm tăng biên chế, không làm phát sinh chi ngân sách nhà nước. Quyết định chủ yếu tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý, theo dõi, hạch toán kế toán và tính hao mòn tài sản cố định vô hình theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi được ban hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố đang quản lý, sử dụng tài sản cố định vô hình có thể triển khai thực hiện ngay trên cơ sở hệ thống quản lý tài sản và chế độ kế toán hiện hành, không phát sinh yêu cầu đầu tư mới về cơ sở vật

chất, hạ tầng kỹ thuật hoặc nguồn nhân lực.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Sở Tài chính kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

(Tài liệu kèm theo: (1) Dự thảo Quyết định; (2) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (3) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; (4) Báo cáo thẩm định; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định)

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD;
- Sở Tư pháp;
- Lưu:VT, QLCS.dtha.(01)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Thảo